

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên và môi trường **Khoá đào tạo: 2025**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5420/QĐ-ĐHDT ngày 20 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			34						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			3						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			20						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			16						
14	RE4501Q	Nhập môn ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.1. Đại cương chung tự chọn (4 TC)			4						
22	GE4049	Tiếng việt thực hành	2	30					1
23	GE4023	Kinh tế học đại cương	2	30					2
24	GE4058N	Vật lý đại cương	2	30					3
25	GE4062	Xác suất thống kê	2	30					4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			130						
I. Kiến thức cơ sở ngành			20						
1.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			12						
26	RE4014	Sinh thái học cơ bản	2	25	10				1
27	RE4201	Tài nguyên thiên nhiên	3	35	20				2
28	RE4115	Hoá môi trường	2	30					3
29	RE4159	TT. Hoá môi trường	1		30			RE4115	3
30	RE4040Q	Phương pháp nghiên cứu khoa học tài nguyên và môi trường	2	25	10				2
31	RE4270	Luật và chính sách tài nguyên và môi trường	2	30					3
1.1.2 Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			8						
32	RE4002	Cơ sở khoa học môi trường	2	25	10				1
33	RE4272	Khí tượng thuỷ văn - QLMT	2	25	10				6
34	RE4271	Anh văn chuyên ngành tài nguyên và môi trường	3	45					5
35	RE4013N	Sinh học đại cương	3	30	30				3
36	RE4008	Hóa phân tích	2	30					1
37	RE4008_TH	TT. Hoá phân tích	1		30			RE4008	2
38	RE4162	Vi sinh môi trường	3	30	30				4
II. Kiến thức chuyên ngành			82						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			56						
2.1.1. Quản lý tài nguyên			28						
39	RE4273	Quản lý tài nguyên nước	2	30			RE4201		2
40	RE4274	Quản lý tài nguyên đất đai	2	25	10		RE4201		4
41	RE4275	Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	3	35	20		RE4201		4

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
42	RE4276	Quản lý đất ngập nước	2	25	10		RE4201		3
43	RE4284	Thủ tục hành chính quản lý tài nguyên và môi trường	3	30	30				7
44	RE4277	Quản lý tài nguyên khoáng sản	2	30			RE4201		5
45	RE4278	Quản lý tài nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu	2	25	10		RE4201		7
46	RE4280	Ứng dụng tin học trong Quản lý tài nguyên & môi trường	3	30	30				6
47	RE4218P	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý Tài nguyên và Môi trường	3	30	30				7
48	RE4310	Quản lý môi trường và tài nguyên biển	2	25	10		RE4201		6
49	RE4311	Định giá dịch vụ hệ sinh thái	2	25	10				7
50	RE4279	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	2	25	10				5
2.1.2. Quản lý môi trường			28						
51	RE4281Q	Quản lý môi trường công nghiệp	2	25	10				5
52	RE4282Q	Quản lý và xử lý nước thải	3	30	30				4
53	RE4216N	Quan trắc và đánh giá môi trường đất, nước và không khí	3	30	30				4
54	RE4136N	Quản lý và xử lý chất thải rắn	3	35	20				5
55	RE4139	Quy hoạch môi trường	2	20	20				7
56	RE4108	Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	3	30	30				8
57	RE4312	Kiểm kê khí nhà kính	2	25	10				6
58	RE4120	Mô hình hoá trong QLMT	2	20	20				5
59	RE4246N	An toàn sức khỏe và môi trường (HSE)	3	40	10				6
60	RE4268	Ứng dụng AI trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	15	30		AI4450		7
61	RE4176N	Quản lý và kiểm soát chất lượng môi trường	3	30	30				6
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn ít nhất 26 TC)			26						
62	RE4316	Phương pháp phân tích hệ thống môi trường	2	25	10				10
63	RE4288	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	2	20	20				8
64	RE4144	Sinh vật chỉ thị môi trường	2	20	20				8
65	RE4167	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	25	10				9
66	RE4231	Thủ tục hành chính trong quản lý đất đai	2	25	10		RE4274		10
67	RE4286	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	2	25	10				11
68	RE4170N	Hệ thống ISO trong quản lý môi trường	3	40	10				9
69	RE4135	Quản lý và tái sử dụng chất thải hữu cơ	2	20	20				11
70	RE4287	Quản lý và xử lý chất thải nguy hại	2	25	10				8
71	RE4306	Luật và chính sách bảo hộ lao động	3	40	10				9
72	RE4315	Ô nhiễm đất và kỹ thuật phục hồi	3	35	20				11
73	RE4412	Đồ án quản lý tài nguyên	3	5	80				11
74	RE4447N	Thực tập thủ tục hành chính về tài nguyên và môi trường	3	5	80		RE4284		11
75	RE4217N	Độc học và sức khỏe môi trường	3	40	10				8
76	RE4220	Kiểm toán môi trường	2	25	10				9
77	RE4250	Công nghệ xanh và năng lượng sạch	3	40	10				9
78	RE4314	Quản lý tài nguyên trên cơ sở phát triển cộng đồng	2	25	10				9
III. Kiến thức bổ trợ			3						
79	RE4441	Khởi nghiệp Quản lý tài nguyên và môi trường	2	30					10
80	RE4442	Kỹ năng tìm kiếm việc làm Quản lý tài nguyên và môi trường	1	15					10
IV. Thực hành thực tập nghề nghiệp			15						
81	RE4448	Thực hành phân tích và đánh giá môi trường	3	15	60				10
82	RE4511	Lập hồ sơ pháp lý về quản lý môi trường	3	30	30				10
83	RE4491Q	Thực tập cơ sở QLTNMT	3	5	170				12
84	RE4698Q	Thực tập tốt nghiệp QLTNMT	6	5	230				12
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			10						
5.1. Đồ án tốt nghiệp			10						
85	RE4292Q	Đồ án tốt nghiệp	10						13
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			10						
86	RE4411	Đồ án quản lý môi trường	3	5	80				13
87	RE4116	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2	25	10		RE4201		13
88	RE4247	Quản lý và vận hành công trình môi trường	2	20	20				13
89	RE4285	Quy hoạch và sử dụng tài nguyên bền vững	3	30	30				13
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			164						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích lũy:			150						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			102						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			48						